TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 – ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2026/DSST
Ngày: 27/02/2026
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – ĐẮK LẮK

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thuỳ Trân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Đông Nguyệt và ông Lý Công Nguyên.

Thư ký phiên tòa: Lê Vũ Trang Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Cao Tấn Tiền – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 278/2025/TLST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2025 về "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2026/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2026/QĐST-DS ngày 06/02/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP S. Địa chỉ trụ sở: 2 N, phường X, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Công M – Chủ tịch Hội đồng quản trị. *Người đại diện theo ủy quyền*: ông Trần Hoàng N – Giám đốc C (theo Quyết định ủy quyền số 4774/2025/QĐ-PC ngày 26/12/2025 của Chủ tịch Hội đồng quản trị). Ông N ủy quyền lại cho bà Phạm Ngọc D – chuyên viên kiểm soát rủi ro (theo Văn bản ủy quyền số 391/2025/GUQ-CNPY ngày 16/10/2025 và Văn bản uỷ quyền ngày 09/11/2025). Địa chỉ liên hệ: 2 H, phường T, tỉnh Đắk Lắk. Bà D có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn T, sinh năm 1991. Địa chỉ: P, phường P, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện đề ngày 16/10/2025, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Phạm Ngọc D trình bày:*

Ông Lê Văn T có vay vốn tại Ngân hàng TMCP S khoản vay tín dụng hạn mức 50.000.000 đồng theo Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân số 2371830 ngày 03/11/2022, số tài khoản thẻ 3162446573; mục đích: tiêu dùng cá nhân; lãi suất tại thời điểm làm thẻ: 28,8%/năm. Trong quá trình sử dụng thẻ, ông Lê Văn T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng kể từ ngày 05/5/2025, Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, nhắc nhở và ông Lê Văn T đã cam kết trả nợ nhưng không thực hiện đúng cam kết. Do đó, đến ngày 05/8/2025 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ khoản cấp tín dụng sang nợ quá hạn. Tạm tính đến ngày 27/02/2026 ông Lê Văn T còn nợ Ngân hàng số tiền: nợ gốc 50.088.352 đồng, lãi quá hạn 12.804.960 đồng, tổng cộng 62.893.312 đồng.

Nay Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu ông Lê Văn T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền tạm tính đến ngày 27/02/2026 là 62.893.312 đồng, trong đó: nợ gốc 50.088.352 đồng, lãi quá hạn 12.804.960 đồng và tiền lãi, phí phát sinh theo thỏa thuận tại Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân số 2371830 ngày 03/11/2022 đã ký kết giữa các bên kể từ ngày 28/02/2026 cho đến ngày thanh toán dứt nợ cho Ngân hàng TMCP S.

Buộc ông T phải thanh toán toàn bộ án phí và các chi phí phát sinh liên quan.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn Lê Văn T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên không có lời khai.*

Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk đã tiến hành hoà giải nhưng không thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật; Bị đơn không chấp hành các quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015, Điều 100 và Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn phải trả cho Ngân hàng nợ gốc 50.088.352 đồng và tiền lãi phát sinh. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về hợp đồng tín dụng giữa pháp nhân và cá nhân không có mục đích kinh doanh là tranh chấp hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại phường P, tỉnh Đắk Lắk nên Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn Lê Văn T đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

[3.1] Hiệu lực của Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân số 2371830 ngày 03/11/2022, giữa ông Lê Văn T và Ngân hàng TMCP S có nội dung và hình thức phù hợp với quy định pháp luật là hợp đồng hợp pháp, có hiệu lực thi hành.

[3.2] Căn cứ Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân số 2371830 ngày 03/11/2022 giữa bị đơn Lê Văn T và nguyên đơn Ngân hàng TMCP S, xác định bị đơn Lê Văn T có vay của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S số tiền 50.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân; lãi suất hai bên thoả thuận 28,8%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, hình thức vay: tín chấp, thời hạn vay: không xác định.

[3.3] Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông T phát sinh giao dịch số tiền 148.988.500 đồng, đã trả số tiền 132.217.852 đồng, sau đó ông T trả nợ không đúng thoả thuận, giao dịch cuối cùng vào ngày 05/4/2025. Đến ngày 05/8/2025 ông T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ khoản cấp tín dụng sang nợ quá hạn là 50.088.352 đồng. Nhiều lần, Ngân hàng yêu cầu ông T trả nợ nhưng ông T không thực hiện là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng đã ký kết. Tính đến ngày 27/02/2026 ông T còn nợ Ngân hàng số tiền 62.893.312 đồng, trong đó: nợ gốc 50.088.352 đồng, nợ lãi quá hạn 12.804.960 đồng.

[3.4] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt tại Tòa và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cũng như gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền nợ nêu trên.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S là có căn cứ chấp nhận, buộc bị đơn ông Lê Văn T phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP S tổng số tiền tính đến ngày 27/02/2026 là 62.893.312 đồng, trong đó: nợ gốc 50.088.352 đồng, nợ lãi quá hạn 12.804.960 đồng và số tiền lãi phát sinh sau ngày 27/02/2026 theo Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân số 2371830 ngày 03/11/2022 mà hai bên đã ký kết cho đến khi ông T trả dứt nợ vay.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự; Điều 100 và Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S;

[1] Buộc bị đơn Lê Văn T phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S tổng số tiền tính đến ngày 27/02/2026 là 62.893.312 (*Sáu mươi hai triệu, tám trăm chín mươi ba nghìn, ba trăm mười hai)* đồng, trong đó: nợ gốc 50.088.352 đồng, nợ lãi quá hạn 12.804.960 đồng về khoản tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 27/02/2026 cho đến khi thi hành án xong, bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà bị đơn phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu 3.145.000 *(Ba triệu một trăm bốn mươi lăm nghìn)* đồng.

Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí 1.350.111 (*Một triệu ba trăm năm mươi nghìn một trăm mười một*) đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004018 ngày 05/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

[3] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[4] Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND KV 11 - Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Thuỳ Trân

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Oanh Phạm Văn N1 **Bùi Thị Thùy T1**